



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

1 Nhận dạng hóa chất

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)**
- **Mã giao dịch:** G1946-85004
- **Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**
Reagents and Standards for Analytical Chemical Laboratory Use
- **Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**
- **Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**
Agilent Technologies, Inc.
5301 Stevens Creek Blvd.
Santa Clara, CA 95051 USA
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:**
Telephone: 800-227-9770
e-mail: pdl-msds_author@agilent.com
- **Số điện thoại khẩn cấp:** CHEMTREC®:+(84)-444581771

2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

- **Phân loại chất và hỗn hợp**



cháy flame

Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.



Kích ứng mắt 2 A H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Nhiễm độc cấp tính 5 H333 Có thể có hại nếu hít phải.

- **Các phân tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02 GHS07

- **Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**
Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.
Có thể có hại nếu hít phải.
Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.
- **Các hướng dẫn an toàn**
Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.
Đề xa tầm tay trẻ em.
Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

(Xem tiếp ở trang 2)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 1)

- Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.
- Thùng đóng kín
- Ground/bond container and receiving equipment.
- Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.
- Chỉ sử dụng các công cụ không đánh lửa.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống hiện tượng phóng điện tĩnh.
- Rửa sạch sau khi xử lý.
- Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
- Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ vòi hoa sen
- Trường hợp hít phải cần gọi cho trung tâm giải độc/ bác sĩ nếu thấy khó chịu.
- NẾU DINH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa
- Nếu mắt vẫn bị kích ứng: Hãy xin chỉ dẫn của bác sĩ/thận trọng.
- Trong trường hợp cháy: Dùng để loại bỏ: khí CO₂, bột cháy hoặc tia nước.
- Cất giữ ở nơi thoáng mát. Giữ lạnh.
- Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
- **Các dấu hiệu nguy hiểm khác:**
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results**
- **PBT:** Không được áp dụng
- **vPvB:** Không được áp dụng

3 Thông tin về thành phần các chất

- **Mô tả tính chất hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả** Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

· **Các chất thành phần nguy hiểm:**

67-63-0	propan-2-ol	44.0087%
	⚠️ Chất lỏng dễ cháy 2, H225; ⚠️ Kích ứng mắt 2 A, H319; Nhiễm độc cấp tính 5, H303; Nhiễm độc cấp tính 5, H333	

- **Các hướng dẫn đính kèm:** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- **Mô tả về các biện pháp sơ cứu**
- **Sau khi hít vào:** Cung cấp không khí trong lành, hỏi ý kiến bác sĩ trong trường hợp người bệnh bị đau.
- **Sau khi tiếp xúc với da:** Nhìn chung sản phẩm không gây kích ứng da
- **Sau khi tiếp xúc với mắt:**
Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút, nếu không thấy đỡ thì phải gọi cho bác sĩ ngay
- **Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ
- **Thông tin dành cho bác sĩ:**
- **Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:**
Không có thông tin liên quan nào khác
- **Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**
Không có thêm thông tin liên quan

VN

(Xem tiếp ở trang 3)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 2)

5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp**
CO2, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước hay bột ARC
- **Các biện pháp chữa cháy không thích hợp vì lý do an toàn:** Tia nước
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp** Không có thêm thông tin liên quan
- **Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy**
- **Các thiết bị bảo vệ** Không cần đến những biện pháp đặc biệt

* **6 Thông tin về độc tính**

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**
Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm
- **Các biện pháp bảo vệ môi trường**
Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm
- **Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**
Có thể ngâm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, diatomite, vữa axít, vữa thường, mùn cưa)
Đảm bảo thoáng khí
- **Liên hệ đến các phần khác**
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân
Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

7 Thông tin về sinh thái

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**
Nếu sử dụng đúng cách thì không cần thiết phải có cảnh báo thận trọng
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy,**
Tránh xa nguồn cháy nổ. Không hút thuốc
Tránh tích điện
- **Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích**
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Đặt ở nơi thoáng mát
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ**
Đậy kín bình chứa
Đề ở nơi thoáng mát và trong điều kiện được dán kín
- **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

8 Biện pháp sơ cứu về y tế

- **Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7

(Xem tiếp ở trang 4)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 3)

· **Các thông số điều khiển**

· **Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

67-63-0 propan-2-ol

OEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 700 mg/m ³
	Giá trị dài hạn: 350 mg/m ³

· **Thông tin bổ sung** Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở

· **Kiểm soát các tình huống nguy hiểm**

· **Các thiết bị an toàn cá nhân**

· **Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi

Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn

rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm

Tránh tiếp xúc với mắt

Tránh tiếp xúc với mắt và da

· **Bảo vệ đường hô hấp:**

Khi được sử dụng theo dự tính với các thiết bị Agilent, việc sử dụng sản phẩm trong điều kiện phòng thí nghiệm bình thường và với thông lệ tiêu chuẩn không dẫn đến tiếp xúc nhiều với không khí và do đó không cần bảo vệ hô hấp.

Trong điều kiện khẩn cấp khi hô hấp được cho là cần thiết, hãy sử dụng thiết bị NIOSH hoặc thiết bị được phê duyệt tương đương có hộp khí hữu cơ hoặc axit.

· **Bảo vệ tay**

Mặc dù không được khuyến nghị cho tiếp xúc liên tục với hóa chất hoặc cho làm sạch, găng tay ni-trin có độ dày 0,28-0,33mm được khuyến nghị cho sử dụng thông thường.

Thời gian thẩm thấu là 1 giờ.

Để dọn sạch chỗ tràn khi có tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, khuyến nghị sử dụng găng tay cao su bu-tin có độ dày 0,30-0,38mm với thời gian thẩm thấu hơn 4 giờ. Nên tuân thủ khuyến nghị của nhà cung cấp.

· **Chất liệu của găng tay**

Đối với sử dụng thông thường:

cao su ni-trin, có độ dày 0,28-0,33 mm

Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất:

cao su bu-tin, có độ dày 0,30-0,38 mm

· **Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu**

Đối với sử dụng thông thường:

cao su ni-trin:

1 giờ

Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất:

cao su bu-tin:

> 4 giờ

· **Bảo vệ mắt Eye**



Kính bảo hộ dán kín

VN

(Xem tiếp ở trang 5)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 4)

9 Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

· Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản	
· Thông tin tổng quát	
· Diện mạo:	
Hình thức::	Thể lỏng
Màu:	Theo đặc tả của sản phẩm
· Mùi:	Đặc điểm
· Ngưỡng mùi:	Không xác định.
· Độ pH:	Không xác định.
· Thay đổi trong điều kiện	
Điểm tan / Phạm vi tan	Không xác định
Điểm sôi / Phạm vi sôi	82 °C
· Điểm bay hơi:	12 °C
· Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không thể áp dụng.
· Nhiệt độ cháy:	425 °C
· Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Tự cháy:	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· Nguy hiểm do cháy nổ:	Sản phẩm không nổ. Nhưng có khả năng hình thành khí, hỗn hợp hơi gây nổ.
· Giới hạn nổ:	
Dưới:	2 Vol %
Trên:	12 Vol %
· Áp lực hơi: tại 20 °C:	35 hPa
· Mật độ:	Không xác định.
· Mật độ tương đối:	Không xác định.
· Mật độ của hơi:	Không xác định.
· Tỷ lệ bay hơi:	Không xác định.
· Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:	
Nước:	Không thể hoặc khó trộn lẫn.
· Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
· Độ nhớt:	
Động	Không xác định.
Tĩnh	Không xác định.
· Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	44.0 %
Nước:	56.0 %
VOC (EC):	44.01 %
· Thành phần chất rắn:	0.0 %

(Xem tiếp ở trang 6)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 5)

· **Thông tin khác:** Không có thông tin chi tiết tương ứng

10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- **Phản ứng:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Sự ổn định hóa học:**
- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
- **Khả năng phản ứng nguy hiểm:** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.
- **Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

11 Yêu cầu về cất giữ

- **Thông tin về các hiệu ứng độc tính:**
- **Ngộ độc cấp tính:**

· **Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

ATE (Ước tính độc tính cấp tính)

Miệng	LD50	10,702 mg/kg (rat)
Hít phải	LC50/4 h	165 mg/L (rat)

67-63-0 propan-2-ol

Miệng	LD50	4,710 mg/kg (rat)
Da	LD50	12,800 mg/kg (rat) 12,800 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	72.6 mg/L (rat)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da** Không có tác dụng kích ứng.
- **Trên mắt:** Tác dụng kích ứng.
- **Độ nhạy cảm** Không có tác dụng mẫn cảm nào được biết tới.
- **Thông tin thêm về độc tính::**
Sản phẩm này chỉ ra những tác hại sau theo phương pháp tính toán của hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất:
Kích ứng

12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

- **Độc tính**
- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhậ dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.

(Xem tiếp ở trang 7)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)


(Xem tiếp ở trang 6)

- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**
Độc hại cho nước loại 1 (quy định của Đức) (Tự đánh giá): hơi độc cho nước.
Không để sản phẩm chưa pha loãng hoặc số lượng lớn tiếp xúc với nước nhằm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải.
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**
- **PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.
- **vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.
- **Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

13 Yêu cầu trong việc thải bỏ

- **Phương pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- **Bao bì bán**
- **Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

14 Yêu cầu trong vận chuyển

· Mã LHQ (UN)	
· ADR, IMDG, IATA	UN1993
· Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ	
· ADR	1993 FLAMMABLE LIQUID, N.O.S.
· IMDG, IATA	(ISOPROPANOL (ISOPROPYL ALCOHOL)) FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ISOPROPANOL (ISOPROPYL ALCOHOL))
· vận chuyển các lớp học nguy hiểm	
· ADR, IMDG, IATA	
	
· lớp	3 Các chất lỏng dễ cháy.
· nhãn	3
· Nhóm bao bì	
· ADR, IMDG, IATA	II
· Các môi trường nguy hiểm:	Không có khả năng ứng dụng..
· Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:	Cảnh báo: Các chất lỏng dễ cháy.
· Mã nguy hiểm:	33
· Mã EMS:	F-E,S-E

(Xem tiếp ở trang 8)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 7)

· Stowage Category	B
· Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC	Không có khả năng ứng dụng.
· Vận chuyển/ Thông tin thêm:	
· ADR	
· Số lượng giới hạn (LQ)	1L
· Excepted quantities (EQ)	Code: E2 Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml Maximum net quantity per outer packaging: 500 ml
· Danh mục vận chuyển	2
· Mã hạn chế đường hầm	D/E
· IMDG	
· Limited quantities (LQ)	1L
· Excepted quantities (EQ)	Code: E2 Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml Maximum net quantity per outer packaging: 500 ml
· Mẫu chuẩn của LHQ:	UN 1993 FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ISOPROPANOL (ISOPROPYL ALCOHOL)), 3, II

15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

· **An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp**

· **Kho hóa chất và chất hóa học của Philippin**

67-63-0	propan-2-ol
7732-18-5	water

· **Kho chất hóa học của Australia**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

· **Lập kế hoạch cho thuốc và chất độc theo mẫu chuẩn**

50-55-5	reserpine	S4
---------	-----------	----

· **Các yêu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

· **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02 GHS07

· **Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm

· **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.

Có thể có hại nếu hít phải.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

· **Các hướng dẫn an toàn**

Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.

(Xem tiếp ở trang 9)



Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.06.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.06.21

Tên giao dịch ESI/APCI Positive Ion Performance Standard (5 x 1mL)

(Xem tiếp ở trang 8)

- Để xa tầm tay trẻ em.
- Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.
- Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.
- Thùng đóng kín
- Ground/bond container and receiving equipment.
- Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.
- Chỉ sử dụng các công cụ không đánh lửa.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống hiện tượng phóng điện tĩnh.
- Rửa sạch sau khi xử lý.
- Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
- Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ vòi hoa sen
- Trường hợp hít phải cần gọi cho trung tâm giải độc/ bác sĩ nếu thấy khó chịu.
- **NẾU DINH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm.
- Sau đó tiếp tục rửa
- Nếu mắt vẫn bị kích ứng: Hãy xin chỉ dẫn của bác sĩ/thận trọng.
- Trong trường hợp cháy: Dùng để loại bỏ: khí CO2, bột cháy hoặc tia nước.
- cất giữ ở nơi thoáng mát. Giữ lạnh.
- Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
- **Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

16 Các thông tin cần thiết khác

“Những thông tin trong tài liệu này dựa trên những kiến thức của Agilent tại thời điểm soạn thảo. Không đảm bảo tính chính xác, hoàn hảo hay phù hợp cho một mục đích cá biệt nào đó được thể hiện hay hàm ý.”

· **Cụm từ liên quan**

- H225 Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.
- H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
- H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.
- H333 Có thể có hại nếu hít phải.

· **Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

- ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)
- IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods
- IATA: International Air Transport Association
- EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances
- ELINCS: European List of Notified Chemical Substances
- CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)
- VOC: Volatile Organic Compounds (USA, EU)
- LC50: Lethal concentration, 50 percent
- LD50: Lethal dose, 50 percent
- PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic
- vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative
- Chất lỏng dễ cháy 2: Flammable liquids – Category 2
- Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity – Category 5
- Kích ứng mắt 2 A: Serious eye damage/eye irritation – Category 2A

· ***Số liệu so với các biên bản trước đã có thay đổi ***